TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 26/12/2023
V/v "Chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng
Bà Trịnh Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TL-DSST ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc: " Chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1936, Địa chỉ: Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt)

Người được nguyên đơn bà Nguyễn Thị G ủy quyền: Anh Lê Xuân Ph - Địa chỉ: Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960, Địa chỉ: Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Thế Ch, sinh năm 1962 (Có mặt)
- Chị Lê Thị H, sinh năm 1971 (Vắng mặt)
- Anh Lê Xuân Ph, sinh năm 1975 (Có mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 12, phố B, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Nhà cảng vụ Hải Qu, đường Nguyễn Duy Ch, phường Thủ Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Lê Hoàng C, sinh năm 1989

Nơi ĐKHKTT: Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: HT6 KE 1074 Tr, tỉnh Kh (Đảo S, Lữ đoàn 146)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hoàng C là: Bà Nguyễn Thị L (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2021 và Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn C kết hôn với nhau năm 1956. Vợ chồng bà sinh được 05 người con là Lê Thanh C, Lê Thế Ch, Lê Thị Th, Lê Thị H và Lê Xuân Ph. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà tạo lập được 01 mảnh đất với diện tích là 260m^2 có địa chỉ tại Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa và làm 02 gian nhà tranh ở. Đến năm 1973, vợ chồng bà làm được 04 gian nhà ngói và 03 gian bếp (nhà cấp 4).

Đến năm 1985, con trai đầu của bà là Lê Thanh C lấy vợ là Nguyễn Thị L. Năm 2002, bà cho vợ chồng Lê Thanh C làm nhà 2 tầng trên diện tích đất 153m^2, phần đất còn lại bà đang ở.

Năm 1994, do UBND huyện Đông Sơn làm trích lục mảnh đất 260m^2 của vợ chồng bà cho con trai đầu là Lê Thanh C là sai quy định của luật đất đai (không có giấy tặng cho). Đến tháng 5/2012, bà đã làm đơn gửi đến UBND, phòng TNMT huyện Đông Sơn khiếu nại, qua nhiều lần hòa giải không thành nên ngày 15/8/2014, Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn ra quyết định số 1234/QĐ-UBND thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên con của bà là Lê Thanh C địa chỉ tại Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 260m^2 (đất ở 200m^2, đất vườn 60m^2) tại thửa 397, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã Đông Thanh và giao lại cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị G, hộ ông Lê Thanh C và các thành viên có liên quan hoàn tất thủ tục hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Nhưng đến nay mặc dù bà đã nhiều lần đề nghị chị Nguyễn Thị L hợp tác thực hiện quyết định của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn nhưng chị L không thực hiện nên hiện tại nhà đất của bà và chị Nguyễn Thị L đang ở chưa có thủ tục để đề nghị UBND huyện Đông Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn phân định tài sản riêng của bà và chia di sản thừa kế của ông Lê Văn C là khoảng 130m^2 đất tại Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Tại bản tự khai Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bố chồng bà là ông Lê Văn C (đã mất tháng 01/1996) và mẹ chồng bà sinh được 05 người con là Lê Thanh C (đã mất năm 2012), Lê Thế Ch, Lê Thị Th, Lê Thị H và Lê Xuân Ph. Đầu năm 1986, bà Nguyễn Thị L kết hôn với ông Lê Thanh C. Bà và ông Lê Thanh C có sinh được hai người con là Lê Thị H và Lê Hoàng C.

Tháng 7/1987, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị G cho hai vợ chồng bà ra ở riêng trên mảnh đất 260m^2 và 1 căn nhà cấp 4 gồm 4 gian. Bố mẹ chồng bà và các em ở riêng trên mảnh đất 458m^2.

Đầu năm 1994, thực hiện quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất đến hộ gia đình, thì bố chồng bà là ông Lê Văn C đã khai báo chuyển toàn bộ mảnh đất 260m^2 cho ch bà đứng tên trên quyền sử dụng đất. Năm 1994, chồng bà nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đứng tên là Lê Văn C (vì bố chồng bà khai báo nên sai tên đệm).

Tháng 1/2002, vợ chồng bà làm 01 căn nhà 02 tầng trên diện tích khoảng 150m^2 và công trình phụ trên mảnh đất trước sân nhà cũ. Phần diện tích đất gia đình bà sử dụng ước tính khoảng 150m^2. Gia đình bà làm nhà thiếu tiền nên phải thế chấp quyền sử dụng đất vay tiền của ngân hàng, nhưng do sai lệch tên của chồng bà nên chồng bà phải nhờ cán bộ địa chính thực hiện thủ tục đính chính từ Lê Văn C thành Lê Thanh C.

Đầu năm 2011, Lê Xuân Phấn sửa lại 4 gian nhà cũ làm quán bán hàng trên diện tích khoảng 100m^2.

Trong suốt thời gian chồng bà còn sống và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 19 năm nhưng gia đình nhà chồng bà không ai thắc mắc, kiện tụng gì cả. Vợ chồng bà làm nhà từ năm 2002 đến trước khi chồng bà mất (28/3/2012) cũng không thắc mắc gì. Sau khi chồng bà mất 16 ngày thì bà Nguyễn Thị G và Lê Xuân Ph đề nghị bà tách đất. Các con bà có nói với bà G: bố cháu vừa mới mất, mẹ con cháu không làm gì đâu nhưng bà G không chịu và làm đơn tố cáo về việc anh C tự ý làm trích lục lúc nào bà G không biết.

Hai vợ chồng bà L sống với nhau được 26 năm, sinh được 2 người con, hai vợ chồng giành dụm, tích cóp xây dựng nhà cửa trong thời điểm nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chồng bà là hợp lệ. Gia đình bà cũng đã nộp thuế nhà đất cho nhà nước đầy đủ trong suốt thời gian qua. Đến khi nhà nước thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong suốt thời gian qua. Đến khi nhà nước thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị bà G họp gia đình làm các thủ tục để tách theo hiện trạng đất ở thì bà G không chịu và một mực đòi chuyển toàn bộ cho bà G rồi bà G cho ai là quyền của bà G.Vì tài sản trên đất mà vợ chồng bà xây dựng trong thời điểm chồng bà có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không thắc mắc kiện tụng gì nên UBND huyện Đông Sơn không giải quyết.

Về việc mẹ con bà ký để chuyển cho bà G đứng quyền sở hữu cả mảnh đất đó thì mẹ con bà không thể đồng ý được. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Tại bản tự khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Ông Lê Thế Ch trình bày: Bố mẹ ông là Lê Văn C và Nguyễn Thị G sinh được 05 người con là Lê Thanh C (đã mất năm 2012), Lê Thế Ch, Lê Thị Th, Lê Thị H và Lê Xuân Ph. Trong quá trình chung sống, bố mẹ ông Ch có tạo dựng được một mảnh đất với diện tích là 260m^2 tại địa chỉ tại Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa và làm được 02 gian nhà tranh. Đến năm 1973, bố mẹ anh làm được 04 gian nhà ngói cấp 4 và 03 gian bếp. Năm 1985, anh Lê Thanh C lấy vợ là chị Nguyễn Thị L. Năm 2002, mẹ ông Ch đã cho vợ chồng anh C làm nhà 02 tầng trên diện tích đất 153m^2, phần đất còn lại mẹ ông đang ở. Năm 1994, UBND huyện Đông Sơn đã làm trích lục mảnh đất 260m^2 cho anh Lê Thanh C là sai quy định. Đến năm 1996, bố ông mất không để lại di chúc. Do điều kiện bản thân ông và vợ con làm nhà, cư trú tại thị trấn Cành Nàng. Nay mẹ ông đề nghị phân chia di sản thừa kế của bố ông để lại thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nguyện vọng của ông là được lấy tiền.

Bà Lê Thị Th trình bày: Bố mẹ bà là Lê Văn C và Nguyễn Thị G sinh được 05 người con là Lê Thanh C (đã mất năm 2012), Lê Thế Ch, Lê Thị Th, Lê Thị H

và Lê Xuân Ph. Bố mẹ bà có tạo dựng được một mảnh đất với diện tích là 260m^2 tại địa chỉ tại Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Trên đất có một ngôi nhà ngói cấp 4 vào năm 1973. Đến năm 1986 thì anh trai bà là Lê Thanh C lấy vợ là Nguyễn Thị L và được bố mẹ cho ra ở riêng trên ngôi nhà đó. Đến năm 1996, bố bà chết không để lại di chúc. Đến năm 2002, anh C làm ngôi nhà 2 tầng bên cạnh ngôi nhà cấp 4. Đến năm 2012 thì anh Lê Thanh C bị bệnh chết. Hiện tại vợ con anh C cùng hộ bà G, anh Ph đang ở trên diện tích đó nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay mẹ bà có yêu cầu chia di sản thừa kế thì nguyện vọng của bà là mảnh đất đó được chia nguyên trạng, vợ con anh C sẽ ở phần đất mà anh trai bà là anh C đã làm. Phần đất còn lại sẽ thuộc phần sử dụng của mẹ bà.

Chị Lê Thị H trình bày: bố mẹ chị là Lê Văn C và Nguyễn Thị G sinh được 05 người con là Lê Thanh C (đã mất năm 2012), Lê Thế Ch, Lê Thị Th, Lê Thị H và Lê Xuân Ph. Bố bà đã mất năm 1995. Khi bố mẹ chị xây dựng gia đình có khối tài sản ở thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay, mẹ chị, anh Ph và chị L đang ở trên thửa đất đó. Gia đình chị L đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó (năm 2001) nhưng chị L, anh C đã ở từ năm 1986. Diện tích còn lại mẹ chị và em trai Lê Xuân Ph ở. Nay mẹ chị yêu cầu chia di sản thừa kế thì chị có nguyện vọng là: phần xây dựng nhà của chị L thì chị L ở vì chị L đã xây dựng nhà kiên cố. Phần của bà G và em trai chị là anh Ph đang ở thì bà G và anh Ph được hưởng.

Anh Lê Xuân Ph trình bày: Bố mẹ anh là Lê Văn C và Nguyễn Thị G sinh được 05 người con là Lê Thanh C (đã mất năm 2012), Lê Thế Ch, Lê Thị Th, Lê Thị H và Lê Xuân Ph. Trong quá trình chung sống, bố mẹ ông Ch có tạo dựng được một mảnh đất với diện tích là 260m^2 tại địa chỉ tại Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa và làm được 02 gian nhà tranh. Đến năm 1973, bố mẹ anh làm được 04 gian nhà ngói cấp 4 và 03 gian bếp. Năm 1985, anh Lê Thanh C lấy vợ là chị Nguyễn Thị L. Năm 2002, mẹ ông Ch đã cho vợ chồng anh C làm nhà 02 tầng trên diện tích đất 153m^2, phần đất còn lại mẹ ông đang ở. Năm 1994, UBND huyện Đông Sơn đã làm trích lục mảnh đất 260m^2 cho anh Lê Thanh C là sai quy định. Đến năm 1996, bố ông mất không để lại di chúc. Năm 2008, anh cưới vợ và hai vự chồng ở cùng với mẹ anh trên cùng diện tích đất 260m^2 tại thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Đến tháng 5/2012, mẹ anh làm đơn gửi đến phòng Tài nguyên môi trường huyện Đông Sơn để khiếu nại. Ngày 15/8/2014, Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn đã ra quyết định số 1234/QĐ-UBND thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên con của bà là Lê Thanh C địa chỉ tại Thôn Phúc Triền 2, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 260m^2 (đất ở 200m^2, đất vườn 60m^2) tại thửa 397, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã Đông Thanh và giao lại cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị G, hộ ông Lê Thanh C và các thành viên có liên quan hoàn tất thủ tục hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Nhưng đến nay mặc dù mẹ anh đã nhiều lần đề nghị chị Nguyễn Thị L (vợ anh C) hợp tác thực hiện thủ tục hồ sơ cùng với gia đình nên đến nay mẹ anh vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Nguyện vọng của anh đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và nếu được chia thì tôi xin được lấy bằng tiền.

Chị Lê Thị H trình bày: Gia đình chị có hai chị em là chị và em trai Lê Hoàng C. Bố chị là ông Lê Thanh C mất năm 2012. Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp có từ năm 1987 do ông bà nội đẻ ra bố chị để lại, địa chỉ thửa đất tại thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Tổng diện tích thửa đất là 260m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở, 60m^2 đất vườn). Diện tích đất bà L đang ở là khoảng 150m^2, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông nội chị mất năm 1996 không để lại di chúc. Hiện nay, trên thửa đất có 2 hộ là bà Nguyễn Thị G và hộ bà Nguyễn Thị L. Quan điểm của chị đối với yêu cầu khởi kiện của bà G là: chị không đồng tình với quan điiểm khởi kiện của bà G vì lý do năm 1987 ông bà nội chị đã đồng ý cho bố mẹ chị được sinh sống trên mảnh đất diện tích khoảng 150m^2 và đến năm 2021 bà khởi kiện. Trong thời điểm 1987 đến 2021 không có xảy ra kiện tụng hay tranh chấp.

Anh Lê Hoàng C trình bày: Anh là con của bà Nguyễn Thị L và ông Lê Thanh C có địa chỉ tại thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Bà L và ông C kết hôn năm 1986. Sau khi kết hôn bố mẹ anh ở trên diện tích đất của bà Nguyễn Thị G. Bố mẹ anh ở trên diện tích đất đó từ năm 1987. Đến năm 2002, bố mẹ anh làm nhà kiên cố trên diện tích đất khoảng 150m^2 do ông C và bà G cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thanh C với diện tích 260m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 60m^2 đất vườn. Ngày 15/8/2014, UBND huyện Đông Sơn đã thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thanh C. Đến năm 2012 bố anh mất nên nay bà nội đòi lại đất thì nguyện vọng của anh là chia theo hiện trạng đất ở hiện tại và mẹ anh trả tiền chênh lệch lại cho bà G.

Căn cứ Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2021:

Diện tích hiện trạng thửa đất 397 tờ bản đồ số 3 là 251,3m^2. Phía Tây Nam giáp đường QL45 có chiều rộng 17,3m. Phía Đông Bắc giáp đất nhà bà Ng có chiều rộng là 12,89m. Phía Đông Nam giáp ngõ xóm có chiều dài là 18,89m. Phía Tây Bắc giáp đất nhà bà Ng và ông Ch có chiều dài là 17,61m.

Diện tích đất nhà bà G đang sử dụng là 107,3m^2. Có chiều rộng mặt đường giáp đường quốc lộ là 8,65m. Phía Tây bắc giáp đất bà Ng, ông Ch có cạnh là 6,75m+2,86m + 2,59m. Phía Đông giáp đất bà Ng có chiều rộng là 5,17m. Cạnh phía nhà bà L (nhà 2 tầng nhà bà L) là 3,24m+9,58m+4m.

Diện tích đất nhà bà L đang sử dụng là 144,0m^2. Chiều rộng mặt đường quốc lộ 45 là 8,45m. Phía Đông Nam giáp ngõ xóm có chiều rộng là 1,72m. Cạnh giáp nhà bà G có chiều rộng 3,24m+9,58m+4m.

Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 01/11/2023:

Đơn giá áp dụng đối với đất ở là: 3.000.000 đồng/m^2; Đơn giá áp dụng đối với đất vườn là 1.500.000 đồng/m^2.

Giá trị tài sản gắn liền với đất hiện đang do bà Nguyễn Thị L quản lý là căn nhà 2 tầng với diện tích sàn 105,6m^2, Trụ cổng, Tường rào, Bán bình tôn, Sân lát gạch 50*50, Bể nước. Tổng giá trị tài sản là: **108.873.600 đồng**

Giá trị căn nhà cấp 4 hiện đang do bà Nguyễn Thị G đang quản lý: đã khấu hao hết và không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm chị Lê Thị H, bà Lê Thị Th vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo nội dung đơn khởi kiện.

Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị được nhận bằng hiện vật.

Anh Lê Xuân Ph: Giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày tại bản tự khai.

Ông Lê Thế Ch đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, giữ nguyên hiện trạng mà bà Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị L đang sử dụng. Ông Lê Thế Ch từ chối nhận và nhường lại cho bà Nguyễn Thị L mà không yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán tiền.

Bà Nguyễn Thị L với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hoàng C trình bày quan điểm: Quan điểm của anh Lê Hoàng C đã được thể hiện tại bản tự khai và đến nay vẫn không thay đổi.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Thế Ch, ông Lê Xuân Ph, ông Lê Hoàng C đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị H, bà Lê Thị Th, chị Lê Thị H vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản. Áp dụng quy định tại điểm d khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Khối tài sản của bà Nguyễn Thị G trong khối tài sản chung là: 125,65m^2 (trong đó 100m^2 đất ở và 25,65m^2 đất vườn). Tuy nhiên, hiện tại bà Nguyễn Thị G đang quản lý, sử dụng thực tế là 107,3m^2. Do đó, phần tài sản thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị G là 107,3m^2 thì tiếp tục giao cho bà Nguyễn Thị G tiếp tục quản lý, sử dụng. Đối với phần diện tích đất vườn còn thiếu là 18,35m^2 hiện bà Nguyễn Thị L đang quản lý thì giao cho bà Nguyễn Thị L tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị L phải thanh toán số tiền tương ứng với giá trị phần diện tích còn thiếu cho bà Nguyễn Thị G, cụ thể là 18,35m^2 x 1.500.000 đồng = **27.525.000 đồng.**

Di sản thừa kế của ông Lê Văn C là 125,65m^2 (trong đó 100m^2 đất ở và 25,65m^2 đất vườn). Giá trị của di sản thừa kế mà ông Lê Văn C để lại là**:** **338.475.000** đồng. Khối Di sản thừa kế được chia thành 06 phần bằng nhau, trong đó: Bà Nguyễn Thị G được chia 5/4 kỷ phần thừa kế (bà G được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của ông Lê Văn C và ¼ kỷ phần thừa kế trong kỷ phần thừa kế đáng ra ông Lê Thanh C được nhận nếu còn sống). Ông Lê Thế Ch, bà Lê Thị Th, chị Lê Thị H, anh Lê Xuân Ph mỗi người được 01 kỷ phần. Bà Nguyễn Thị L, chị Lê Thị H, anh Lê Hoàng C mỗi người được hưởng 1/4 kỷ phần thừa kế. Mỗi kỷ phần tương ứng với số tiền là **56.412.500** đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm mười hai nghìn năm trăm đồng). Bà Nguyễn Thị L được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và có trách nhiệm thanh toán tiền cho những người thừa kế khác. Do Ông Lê Thế Ch từ chối nhận thừa kế để nhường lại cho bà Nguyễn Thị L và không

yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán tiền nên bà Nguyễn Thị L được nhận kỷ phần thừa kế đáng ra ông Lê Thế Ch được hưởng. Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán tiền cho bà Nguyễn Thị G, anh Lê Xuân Ph, bà Lê Thị Th, chị Lê Thị H, chị Lê Thị H và anh Lê Hoàng C.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị L, ông Lê Thế Ch được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Đây là vụ án tranh chấp về "Chia di sản thừa kế". Bị đơn có địa chỉ tại thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Thời điểm mở thừa kế của ông Lê Văn C và thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: Ông Lê Văn C chết ngày 17/2/1996. Thời điểm mở thừa kế của ông Lê Văn C là ngày 17/2/1996. Ngày 30/6/2021, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Theo quy định tại Điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế nên thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Về người được hưởng thừa kế của ông Lê Văn Cự:

Bà Nguyễn Thị Gấm và ông Lê Văn Cự kết hôn với nhau năm 1956. Vợ chồng bà sinh được 05 người con là Lê Thanh Cầm (đã chết), Lê Thế Chiến, Lê Thị Thấm, Lê Thị Hồng và Lê Xuân Phấn. Ông Lê Văn Cự đã chết năm 1996. Ông Lê Thanh Cầm đã chết năm 2012. Bố mẹ đẻ của ông Lê Văn Cự đã chết từ lâu.

Do vậy, xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn C là: bà Nguyễn Thị G, ông Lê Thanh C (đã chết), ông Lê Thế Ch, bà Lê Thị Th, chị Lê Thị H và anh Lê Xuân Ph.

Ông Lê Thanh C chết năm 2012 (chết sau ông Lê Văn C) nên những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Thanh C sẽ được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Lê Thanh C gồm: bà Nguyễn Thị G (mẹ đẻ), bà Nguyễn Thị L (vợ), Lê Thị H (con đẻ) và Lê Hoàng C (Con đẻ).

[2.3] Xác định phần tài sản của bà Nguyễn Thị G trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Lê Văn Cự:

Bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn C đã tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất 260m^2 đất (trong đó đất ở là 200m^2, đất vườn là 60m^2) tại thửa 397, tờ bản đồ số 3 có địa chỉ tại thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa và căn nhà cấp 4. Tuy nhiên, căn cứ kết quả đo đạc thực tế thì diện tích là 251,3m^2. Tất cả các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất và căn nhà cấp 4 nêu trên là của bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn C tạo lập. Bà Nguyễn Thị L cho rằng bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn C đã cho vợ chồng bà đất để vợ chồng bà ra ở

riêng ngay từ khi kết hôn cho đến nay. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L không xuất trình được chứng cứ chứng minh về việc đã được ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị G tặng cho, bên cạnh đó, bà Nguyễn Thị G cũng không thừa nhận về việc đã tặng cho vợ chồng bà L nên không có cơ sở xác định quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà L. Từ đó, xác định diện tích thửa đất 397, tờ bản đồ số 3 có địa chỉ tại thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa là 251,3m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 51,3m^2 đất vườn và căn nhà cấp 4 mà bà G đang quản lý là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Gấm và ông Lê Văn Cự.

Do vậy, khối tài sản của bà Nguyễn Thị G trong khối tài sản chung vợ chồng là: 125,65m^2 (trong đó 100m^2 đất ở và 25,65m^2 đất vườn).

Theo xác định khối tài sản thuộc phần tài sản của bà Nguyễn Thị G trong khối tài sản chung là 125,65m^2 (trong đó 100m^2 đất ở và 25,65m^2 đất vườn). Để đảm bảo sự ổn định trong quá trình sử dụng tài sản, cần xác định phần diện tích bà Nguyễn Thị G đang quản lý, sử dụng là phần tài sản riêng của bà Nguyễn Thị G trong khối tài chung với ông Lê Văn C. Tuy nhiên, phần diện tích thực tế hiện nay bà Nguyễn Thị G đang quản lý là 107,3m^2. Như vậy, vẫn còn thiếu 18,35m^2 đất vườn. Phần diện tích đất này bà Nguyễn Thị L đang quản lý, do đó, bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị G đối với phần tài sản thuộc tài sản riêng của bà Nguyễn Thị G với số tiền là: 18,35m^2 x 1.500.000 đồng = **27.525.000 đồng.**

[2.4] Di sản thừa kế của ông Lê Văn C và phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn C:

Di sản thừa kế của ông Lê Văn C được xác định quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất là 125,65m^2 (trong đó 100m^2 đất ở và 25,65m^2 đất vườn). Giá trị của di sản thừa kế là**: 338.475.000** đồng.

Đối với căn nhà cấp 4 mà bà Nguyễn Thị G đang quản lý sử dụng được xây dựng từ năm 1973 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn C nhưng đã không còn giá trị sử dụng. Tất cả những người thừa kế đều thừa nhận về việc tài sản không còn giá trị sử dụng, thống nhất không chia di sản thừa kế là căn nhà cấp 4, đồng ý để bà Nguyễn Thị G là chủ sở hữu đối với căn nhà này. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất rằng việc phần chia di sản theo nguyên tắc giữ nguyên hiện trạng tài sản mà bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị L đang sử dụng để đảm bảo việc sử dụng tài sản được ổn định. Người nào sử dụng tài sản vượt quá kỷ phần thừa kế mà mình được nhận thì phải có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho người thừa kế khác.

Đối với phần di sản của ông Lê Văn C để lại được xác định có giá trị là **338.475.000** đồng. Hiện nay, bà Nguyễn Thị L đang quản lý sử dụng đối với khu đất có diện tích là 144,0m^2. Do vậy, có căn cứ xác định rằng, toàn bộ phần di sản của ông Lê Văn C đang do bà Nguyễn Thị L trực tiếp quản lý nên sau khi thực hiện việc phân chia di sản thừa kế thì bà L có trách nhiệm thanh toán tiền lại cho những người thừa kế khác.

Di sản thừa kế của ông Lê Văn C sẽ được chia thành 6 phần bằng nhau. Mỗi kỷ phần có trị giá trị là: **56.412.500** đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng). Trong đó:

+ Bà Nguyễn Thị G được chia: 01 kỷ phần thừa kế do là người thừa kế của ông Lê Văn C, đồng thời bà Nguyễn Thị G cũng là người thừa kế của ông Lê Thanh C nên bà Nguyễn Thị G được hưởng thêm 1/4 kỷ phần thừa kế. Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị G được chia là 5/4 kỷ phần thừa kế, tương đương **70.515.625** đồng, được làm tròn thành **70.515.600** đồng (Bảy mươi triệu, năm trăm mười lăm nghìn, sáu trăm đồng).

+ Ông Lê Thế Ch được chia: 01 kỷ phần thừa kế tương đương số tiền là **56.412.500** đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng). Ông Lê Thế Ch từ chối nhận nhận phần di sản này, nhường lại cho bà Nguyễn Thị L và ông không yêu cầu bà Nguyễn Thị Lthanh toán tiền.

+ Bà Lê Thị Th được chia: 01 kỷ phần thừa kế tương đương số tiền là **56.412.500** đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng).

+ Chị Lê Thị H được chia: 01 kỷ phần thừa kế tương đương số tiền là **56.412.500** đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng).

+ Anh Lê Xuân Ph được chia: 01 kỷ phần thừa kế tương đương số tiền là **56.412.500** đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng).

+ Bà Nguyễn Thị L được chia: 1/4 kỷ phần thừa kế (được hưởng trong kỷ phần mà đáng ra ông Lê Thanh C được hưởng) tương đương số tiền là **14.103.125** đồng được làm tròn là **14.103.100** đồng (mười bốn triệu, một trăm linh ba nghìn một trăm đồng.

+ Chị Lê Thị H được chia: 1/4 kỷ phần thừa kế (được hưởng trong kỷ phần mà đáng ra ông Lê Thanh C được hưởng) tương đương số tiền là **14.103.125** đồng được làm tròn là **14.103.100** đồng (mười bốn triệu, một trăm linh ba nghìn một trăm đồng.

+ Anh Lê Hoàng C được chia: 1/4 kỷ phần thừa kế (được hưởng trong kỷ phần mà đáng ra ông Lê Thanh C được hưởng) tương đương số tiền là **14.103.125** đồng được làm tròn là **14.103.100** đồng (mười bốn triệu, một trăm linh ba nghìn một trăm đồng).

Hiện nay, bà Nguyễn Thị L đang quản lý toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Lê Văn C để lại. Bà Nguyễn Thị L và tất cả những người thừa kế khác đều đồng ý để bà Nguyễn Thị L được nhận bằng hiện vật và thanh toán tiền cho những người thừa kế khác. Tuy nhiên, ông Lê Thế Ch từ chối nhận thừa kế, nhường lại cho bà Nguyễn Thị L và không yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán tiền nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện này của ông Lê Thế Ch.

Như vậy, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm: thanh toán cho bà Nguyễn Thị G số tiền là: **70.515.600** đồng (Bảy mươi triệu, năm trăm mười lăm nghìn, sáu trăm đồng); thanh toán anh Lê Xuân Ph, bà Lê Thị Th, chị Lê Thị H mỗi một người số tiền là: **56.412.500** đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng); thanh toán cho chị Lê Thị H, anh Lê Hoàng C mỗi một người số tiền là **14.103.100** đồng (mười bốn triệu, một trăm linh ba nghìn một trăm đồng).

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị L, ông Lê Thế Ch đều là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Th, chị Lê Thị H, anh Lê Xuân Ph, chị Lê Thị H, anh Lê Hoàng C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 105, 147, 271, 273, d khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 15, 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 213, 219, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu xác định tài sản của bà Nguyễn Thị G trong khối tài sản chung với ông Lê Văn C và chia di sản thừa kế của ông Lê Văn C theo pháp luật.

- Giao cho bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng đối với phần diện tích đất là 107,3m^2. Có chiều rộng mặt đường giáp đường quốc lộ là 8,65m. Phía Tây bắc giáp đất bà Ng, ông Ch có cạnh là 6,75m+2,86m + 2,59m. Phía Đông giáp đất bà Ng có chiều rộng là 5,17m. Cạnh phía nhà bà L (nhà 2 tầng nhà bà L) là 3,24m+9,58m+4m. Trong đó 100m^2 đất ở và 7,3m^2 đất vườn. Bà Nguyễn Thị G được sở hữu căn nhà cấp 4 (không còn giá trị sử dụng) được xây dựng trên phần diện tích đất 107,3m^2 nêu trên, tại thửa 397, tờ bản đồ số 03 địa chỉ tại thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- Giao bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng đối với phần diện tích đất 144,0m^2. Chiều rộng mặt đường quốc lộ 45 là 8,45m. Phía Đông Nam giáp ngõ xóm có chiều rộng là 1,72m. Cạnh giáp nhà bà G có chiều rộng 3,24m + 9,58m + 4m, tại thửa 397, tờ bản đồ số 03 địa chỉ tại thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

(Hình thể vị trí và kích thước cạnh cụ thể đối với phần diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị L được thể hiện tại sơ đồ kèm theo Bản án)

- Buộc bà Nguyễn Thị L thanh toán tiền cho những người thừa kế khác như sau:

Bà Nguyễn Thị L thanh toán cho Bà Nguyễn Thị G số tiền là: **27.525.000 đồng + 70.515.600 đồng = 98.040.600 đồng** (Chín mươi tám triệu, bốn mươi nghìn, sáu trăm đồng);

Bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho anh Lê Xuân Ph, chị Lê Thị H và bà Lê Thị Th mỗi một người số tiền là **56.412.500** đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng);

Bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho chị Lê Thị H và anh Lê Hoàng C mỗi một người số tiền là: **14.103.100** đồng (mười bốn triệu, một trăm linh ba nghìn một trăm đồng).

- Về án phí:

+ Buộc bà Lê Thị Th, anh Lê Xuân Ph, chị Lê Thị H mỗi người phải chịu là 2.820.625 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Buộc chị Lê Thị H và anh Lê Hoàng C mỗi người phải chịu là 705.155 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị L đều là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

+ Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí từ việc nhận kỷ phần thừa kế mà ông Lê Thế Ch nhường lại cho bà vì Ông Lê Thế Ch là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- UBND xã Đông Thanh
- Chi cục Thi hành án Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Hà